

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST.

Ngày 18-9-2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị G, sinh năm 1954 – Có mặt;

Địa chỉ: Khu phố L T, phường G L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị L (B), sinh năm 1968 – Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1960 – Xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố H H, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị G trình bày:

Bà G với bà L có họ hàng với nhau (bà G gọi bà L là chị) nên ngày 15-5-2017, bà G có cho bà L (tên thường gọi là 8 B) vay số tiền 50.000.000 đồng, bà L nói vay tiền để trả nợ ngân hàng, bà L hứa khi nào bán đất sẽ trả tiền cho bà G.

Khi vay tiền bà L có ghi vào sổ của bà G và bà L ký tên, lăn tay vào. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy nợ. Nhưng sau khi bà L bán đất được rồi vẫn không trả tiền cho bà G mà hẹn hết lần này đến lần khác. Sau khi bà L nhận tiền cọc bán đất thì bà L có trả cho bà G được 4.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà G không nhớ rõ là trả vào thời điểm nào. Tính đến nay bà L vẫn không trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho bà G. Bà L là người trực tiếp vay tiền của bà G nhưng ông Đ chồng bà L cũng biết việc này vì sau khi bà L không trả tiền, bà G có đến nhà bà L yêu cầu trả tiền thì gặp ông Đ và bà L, ông Đ và bà L cùng hứa khi nào bán đất được sẽ trả tiền cho bà G, hơn nữa bà L vay tiền là để trả nợ ngân hàng cho vợ chồng bà L.

Nay bà G yêu cầu bà L và ông Đ trả cho bà G số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15-5-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận có vay của bà G số tiền 50.000.000 đồng như bà G trình bày. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 6%/tháng. Bà có viết giấy nợ và ký tên, lăn tay giao cho bà G giữ, trong giấy nợ ghi tên bà là B. Nhưng vào năm 2018, bà đã trả cho bà G được 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi bà L đã đóng cho bà G đầy đủ đến tháng 8-2019. Việc bà L trả nợ và đóng tiền lãi cho bà G không có lập giấy tờ cũng không có ai chứng kiến, do bà L tin tưởng bà G nên khi trả tiền không yêu cầu bà G đưa giấy nợ để ghi vào. Đến năm 2019, bà có mượn thêm bà G 9.000.000 đồng, số tiền này bà chỉ mượn đỡ nên bà G không tính lãi và không ghi giấy nợ. Tổng cộng bà còn nợ bà G 29.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà G số tiền nợ gốc 29.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi. Ông Đ không biết gì về việc bà vay tiền của bà G nên không có trách nhiệm trả, bà vay tiền của bà G là để xoay sở tiền hụi do bà làm chủ thảo chứ không phải để chi tiêu trong gia đình.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tấn Đ trình bày:

Ông là chồng của bà L, ông và bà L chung sống với nhau từ năm 1993 và hiện nay ông và bà L vẫn con sống chung, sinh hoạt kinh tế gia đình chung. Ông không biết việc bà L vay tiền của bà G nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G. Buộc bà Đặng Thị L và ông Trần Tấn Đ trả cho bà G số tiền nợ gốc

50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15-5-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, có khấu trừ số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà L và bà G đều thừa nhận bà L có vay của bà G số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 15-5-2017, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi suất nên có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bà G trình bày từ khi vay đến nay bà L chỉ trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền nợ gốc thì bà L hứa khi nào bán được đất sẽ trả nhưng đến nay bà L đã bán đất xong vẫn không trả tiền cho bà G, bà G nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L cứ hẹn mà không trả nên nay bà G khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Bà G yêu cầu bà L trả tiền cho bà G số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 15-5-2017. Bà L thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy nợ đề ngày 15-5-2017 là của bà L viết và ký và cũng thừa nhận có nợ bà G số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà L trình bày đã trả cho bà G được 30.000.000 đồng, sau đó có mượn thêm bà G 9.000.000 đồng, hiện bà L chỉ còn nợ bà G 29.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G về việc yêu cầu bà L trả số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bà G trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và từ khi vay đến nay bà L chỉ trả tiền lãi cho bà G một lần được 4.000.000 đồng. Tuy nhiên bà L trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng và bà L đã đóng tiền lãi đầy đủ cho bà G đến tháng 8-2019 nhưng bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 03 \text{ ngày (tính từ ngày 15-5-2017)} = 16.708.334 \text{ đồng}.$

Bà G thừa nhận bà L đã trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, bà G đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi mà bà L phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận, số tiền lãi bà L còn phải trả là 12.708.334 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi bà L phải trả là 62.708.334 đồng.

[5] Bà G yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm với bà L trả nợ cho bà G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình. Bởi lẽ, mặc dù ông Đ không trực tiếp vay tiền của bà G, không ký tên vào giấy nợ nhưng mục đích vay ghi trong giấy nợ là để trả nợ ngân hàng và hiện nay bà L và ông Đ vẫn còn chung sống và sinh hoạt kinh tế chung.

Chính vì vậy, có căn cứ buộc ông Đ cùng có trách nhiệm với bà L trả cho bà G số tiền nợ gốc và lãi là 62.708.334 đồng.

[6] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Án phí: Bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G đối với bà Đặng Thị L và ông Trần Tấn Đ.

Buộc bà Đặng Thị L và ông Trần Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị G số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 62.708.334 (Sáu mươi hai triệu bảy trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

Bà Đặng Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị L và ông Trần Tấn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.135.417 (Ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm mười bảy) đồng.

3. Báo cho bà G, bà L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc